



Ký bởi: Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên
Địa điểm: Phường Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1396 /CBGV LXĐ-SXD

Điện Biên, ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ

Thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 3 năm 2026

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 01/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; số 01/2025/TT-BXD về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 8/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc ủy quyền công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc Ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Báo cáo giá vật liệu xây dựng của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường; phòng Kinh tế các xã; Báo giá của nhà sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (VLXD); diễn biến giá thị trường và kết quả khảo sát một số loại vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 3 năm 2026.

SỞ XÂY DỰNG CÔNG BỐ :

1. Thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 3 năm 2026 chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

(Có biểu phụ lục chi tiết kèm theo)

Giá đá, cát, sỏi trong công bố giá không áp dụng cho các đơn vị khai thác tại chỗ để phục vụ xây dựng công trình, khi có phát sinh, biến động tăng, giảm giá chủ đầu tư kịp thời xây dựng lại cơ cấu giá thành đề nghị Sở Xây dựng xác định giá theo quy định.

2. Mức giá VLXD lưu thông tại trung tâm các xã, phường là giá tối đa đến công trình đối với những công trình được đầu tư xây dựng ở trung tâm các xã, phường (Quy định khu vực trung tâm theo địa giới hành chính của các xã, phường) thời điểm tháng 3 năm 2026.

3. Đối với các xã còn lại không có trong công bố giá này, đề nghị Chủ đầu tư, các chủ thể có liên quan khác căn cứ vào giá vật liệu xây dựng đã được công bố tại địa bàn các xã, phường khu vực lân cận để tham khảo, lựa chọn áp dụng phục vụ trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo quy cách, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và khả năng cung ứng vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng. Trên nguyên tắc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư xây dựng trên từng địa bàn. Chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan khác chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về quyết định của mình.

4. Thông tin giá VLXD trong bảng công bố này có giá trị tại thời điểm tháng 3 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- UBND các xã, phường;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&BDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Lượng

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 3 NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Công bố số: /CBGVLXD-SXD, ngày /3/2026

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	I. ĐÁ XÂY DỰNG																							
1	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						213.000											
2	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						279.000											
3	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						289.000											
4	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						295.000											
5	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						299.000											
6	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Tây Trang 10, xã Sam Mứn ĐT: 093.2323.799						275.000											
7	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						283.000											
8	Đá cấp phối loại 2 (subbase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						267.000											
9	Đất đắp làm vật liệu san lấp	m3			CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						50.762											
10	Đá đắp nền	m3			CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						50.000											

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
11	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						202.000											
12	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						268.000											
13	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						278.000											
14	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						288.000											
15	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						288.000											
16	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						267.000											
17	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						271.000											
18	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						224.000											
19	Đá đắp nền	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hung Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ Tây Trang 10 xã Sam Mứn						68.000											
20	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thảng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006						227.000											
21	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thảng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006						295.000											

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
22	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					306.000												
23	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					317.000												
24	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					317.000												
25	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					295.000												
26	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					299.000												
27	Đá cấp phối loại 2 (subbase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					246.000												
28	Đá học	m3	TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá tại mỏ Pằng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								168.543									
29	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá tại mỏ Pằng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								215.741									
30	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá tại mỏ Pằng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								223.783									
31	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá tại mỏ Pằng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								228.609									

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
32	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								231.825									
33	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								228.825									
34	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								219.566									
35	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								180.964									
36	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sin Sú, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								175.011									
37	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sin Sú, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								210.826									
38	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sin Sú, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								218.646									
39	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sin Sú, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								223.337									
40	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Ánh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sin Sú, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								226.465									

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
41	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								223.465									
42	Đá Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								212.909									
43	Đá subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								174.986									
44	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							195.000										
45	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							258.000										
46	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							268.000										
47	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							277.000										
48	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							277.000										
49	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							256.000										

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
50	Đá cấp phối loại 1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							261.000										
51	Đá cấp phối loại 2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Mường Ảng 1, xã Mường Ảng							216.000										
52	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	305.502
53	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	366.396
54	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	381.286
55	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	390.220
56	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	396.176
57	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	393.176
58	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	374.330
59	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	374.330

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
60	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				180.000													
61	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				230.000													
62	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				238.000													
63	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				247.000													
64	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				247.000													
65	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				235.000													
66	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				232.000													
67	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				191.000													
68	Đá hộc	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									155.495								
69	Đá 4x6	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									201.923								

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
70	Đá 2x4	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									209.313								
71	Đá 1x2	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									213.747								
72	Đá 0,5x1	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									216.703								
73	Đá mặt	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									213.703								
74	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									205.727								
75	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									169.887								
76	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														159.066			
77	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)															193.856		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
78	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBĐN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hằng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														200.904			
79	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBĐN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hằng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														205.133			
80	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBĐN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hằng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														207.902			
81	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBĐN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hằng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														204.902			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
82	Đá cấp phối loại 1 (base)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														195.437			
83	Đá cấp phối loại 2 (subase)	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														161.255			
II. CÁT XÂY DỰNG																								
84	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mô Ka Hâu II, xã Sam Mứn						378.000											
85	Cát nghiền dùng đắp nền	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn						348.000											
86	Cát nghiền xây, trát	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mô tây trang 10, xã Sam Mứn						355.000											
87	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mô tây trang 10, xã Sam Mứn						342.000											
88	Cát nghiền xây, trát	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mô Minh Thắng, xã Tuần Giáo					397.000												
89	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mô Minh Thắng, xã Tuần Giáo					382.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
90	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									247.473								
91	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Dững Minh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ thôn 2, xã Thanh Yên											370.815						
92	Cát trát (xoa) tự nhiên	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Dững Minh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ thôn 2, xã Thanh Yên											322.430						
93	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Mỏ cát xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							427.000										
94	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ cát xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				388.000													
95	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần Lộc Thịnh tây Bắc	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Vị trí điểm mỏ: thuộc lòng suối Nậm Giỏi, bản Mường Luồn 1, 2, xã Mường Luồn; Mỏ cát thuộc lòng suối Nậm Giỏi, bản Yên Bua, xã Mường Luồn; Mỏ cát Nậm Giỏi, bản Mường Luồn 2, xã Mường Luồn, tỉnh Điện Biên.												150.000					
96	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ đội 2, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên											387.714						
97	Cát trát (xoa) tự nhiên	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ đội 2, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên											340.428						
III. GẠCH XÂY DỰNG																								
	Gạch không nung																							
98	Gạch 2 lỗ rỗng	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x65)mm	Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.395										

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
99	Gạch đặc	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.305											
100	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x105x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.191											
101	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x150x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.982											
102	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x105x65)mm M75	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.055											
103	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 150 x 100)mm M75	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mô Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.736											
104	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 105 x 65)mm	DNTN Toàn Hạng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: khối Sơn Thủy, xã Tuần Giáo; ĐT: 0947.590.536					1.145												
105	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 105 x 65)mm	Công ty TNHH Đại Thắng	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Bàn Giáng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0914.662.900					1.091												
106	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	d=20mm: (210 x100x60)mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Địa chỉ tại bản Hin 2, xã Na Sang; ĐT: 0965.479.277									1.073								
107	Gạch đặc	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(210x100x60) mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Địa chỉ tại bản Hin 2, xã Na Sang; ĐT: 0965.479.277									1.191								
108	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016	(220 x110x65)mm	Công ty TNHH Phong Linh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c nơi sản xuất: bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ; ĐT: 0915.641.454														1.300			
109	Gạch rỗng 02 lỗ, M75	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x60)mm	Công ty TNHH Tân Trường Phát tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, trên phương tiện vận chuyển bên mua; chưa có VAT chưa có chi phí vận chuyển đến chân công trình	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										1.145							
110	Gạch đặc, M75	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(210x100x620)mm	Công ty TNHH Tân Trường Phát tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, trên phương tiện vận chuyển bên mua; chưa có VAT chưa có chi phí vận chuyển đến chân công trình	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										1.123							
IV. ĐÁ/GẠCH ỐP LÁT, NGỒI CÁC LOẠI																								

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
111	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																
112	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																
113	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m3		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																
114	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																
115	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																
116	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																
117	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																
118	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																
119	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																
120	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (tron nhãn)	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	333.636																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
121	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	333.636																
122	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	334.545																
123	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	677.727																
124	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																
125	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																
126	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																
127	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																
128	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																
129	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																
130	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
131	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																
132	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																
133	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																
134	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																
135	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																
136	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	677.727																
137	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	280.000																
138	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	280.000																
139	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																
140	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	319.091																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
141	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	323.636																
142	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	329.091																
143	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	353.636																
144	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	353.636																
145	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	372.727																
146	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	392.727																
147	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	412.273																
148	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	421.818																
149	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	701.818																
150	Đá bó vỉa	viên		18*22*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	327.727																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
151	Đá bó vữa	viên		18*26*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	372.727																
152	Đá bó vữa	viên		20*35*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	485.909																
153	Đá bó vữa	viên		17*23*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	318.636																
154	Đá bó bồn cây	viên		20*20*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	294.091																
155	Đá bó bồn cây	viên		15*20*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	220.455																
156	Đá bó bồn cây	viên		15*15*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	192.273																
157	Đá bó bồn cây	viên		20*20*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	175.455																
158	Đá bó bồn cây	viên		15*20*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	155.455																
159	Đá bó bồn cây	viên		15*15*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TDC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	125.909																
	Gạch lát																							
160	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2020	50x50cm				83.333	83.333											125.000				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
161	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2021	40x40 cm				78.704	78.704											85.000				
162	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2022	30x30cm				111.111	111.111											115.000				
163	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2023	60x60cm				115.741	115.741															
164	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2024	30x60 cm																125.000				
165	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2025	45x30 cm				87.963	87.963															
166	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2026	25x25 cm				78.704	78.704															
167	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2027	40x40 cm	Cửa hàng Tuần Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	83.333
168	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2028	50x50cm	Cửa hàng Tuần Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	101.852
169	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2029	30x60 cm	Cửa hàng Tuần Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	134.259
170	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2030	30x30cm	Cửa hàng Tuần Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	101.852
171	Gạch ốp	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2031	40x40 cm	Cty TNHH Thân Nga		Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										75.000							

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phính	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
172	Gạch ốp	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2032	60x60 cm	Cty TNHH Thân Nga		Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										145.454							
173	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600 Granite men matt loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bía		200.516															
174	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm, Granite mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bía		231.476															
175	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bía		307.344															
176	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x900mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bía		403.004															
177	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x1200mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bía		535.524															
178	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm viên đậm, nhợt	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		153.636															
179	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm viên viên, điểm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		171.818															
180	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm viên đậm, nhợt	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		214.545															
181	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm viên viên, điểm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		232.273															
182	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		314.545											125.000				
183	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		398.182															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
184	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu GRANY LITE		314.545															
185	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu GRANY LITE		398.182															
186	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x1200mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu GRANY LITE		464.545															
187	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu TBGRES, FOSILI		235.000															
188	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu TBGRES, FOSILI		327.727															
189	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu TBGRES, FOSILI		252.727															
190	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhân hiệu TBGRES, FOSILI		327.727															
191	Gạch lát Terazo	m2	TCVN 7744:2013	(400 x 400 x 30)mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà	Gạch lát Terazo																	97.272
192	Ngói đất nung loại A (Hạ Long)	viên	TCVN 1452:2023					11.574	11.574												11.111			
193	Ngói bò đất nung loại A (Hạ Long)	viên	TCVN 1452:2023					27.778	27.778												27.778			
194	Ngói đất nung loại A	viên	TCVN 1452:2023																				3.241	
195	Ngói bò đất nung loại A	viên	TCVN 1452:2023																				4.167	
196	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 80x80 ts812	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			254.545	254.545															
197	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 80x80 ts817; TS815	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			254.545	254.545															
198	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts669	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			218.182	218.182															
199	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts600	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			218.182	218.182															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
200	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts 615	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			204.545	204.545															
201	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts5 601	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			163.636	163.636															
202	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts5.602	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			163.636	163.636															
203	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts617	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			218.182	218.182															
204	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts636	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			222.727	222.727															
205	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts624	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			222.727	222.727															
206	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts614	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			222.727	222.727															
207	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco 625	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			209.091	209.091															
208	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco626	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			209.091	209.091															
209	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco603	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			209.091	209.091															
210	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco621	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			209.091	209.091															
211	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ecos603	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															
212	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco601	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															
213	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6601	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															
214	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6602	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															
215	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6604	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															
216	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6610	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			190.909	190.909															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hy	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
217	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt611	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455															
218	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt601	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455															
219	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt605	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455															
220	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 hạ long đỏ	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			86.364	86.364															
221	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 đất việt	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818															
222	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 đỏ viglacera	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818															
223	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 50x50	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			72.727	72.727															
224	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 (m405/m428)	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818															
225	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 435 cò	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
226	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 453	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
227	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 480	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
228	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 490	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			90.909	90.909															
229	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 434	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
230	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 445	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
231	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 488	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
232	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 495	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															
233	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 443	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
234	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 455	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			86.364	86.364															
235	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x30 n317	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			104.545	104.545															
236	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x30 nền sỏi	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			81.818	81.818															
237	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x45(4504/4500)	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			86.364	86.364															
238	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x45(4563/4564/diềm)	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			109.091	109.091															
239	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 3630	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			122.727	122.727															
240	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 k3601/3602	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			145.455	145.455															
241	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 ub3601/3602A/3602	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			145.455	145.455															
242	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 ub3603/3604A/3604	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			122.727	122.727															
243	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 f3631/3632A/3632	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			122.727	122.727															
244	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 f3633/3634A/3634	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			122.727	122.727															
245	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 3693/3694A/3694	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			172.727	172.727															
246	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 bs 3615/3616	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			172.727	172.727															
247	Gạch vibracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 bs 3615/3616	Công ty cổ phần Vibracera - Granit			172.727	172.727															
248	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	25x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		156.364															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
249	Gạch lát Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		177.319															
250	Gạch lát Ceramic men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		210.009															
251	Gạch lát Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		157.481															
252	Gạch lát Ceramic men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		196.213															
253	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x80 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		295.313															
254	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		244.444															
255	Gạch ốp/ lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		250.000															
256	Gạch lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.013			176.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
257	Gạch lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	80x80 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		314.063															
258	Gạch lát Porcelain mài bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x120 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		666.667															
259	Gạch lát Porcelain mài bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.013															
260	Ngói lợp trắng men	Viên	TCVN 9133:2011	300x405mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		25.471															
261	Ngói rìa	Viên	TCVN 9133:2011	186x320x82,5 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		37.545															
262	Ngói cuối rìa	Viên	TCVN 9133:2011	78,5x184x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		62.545															
263	Ngói nóc có gờ	Viên	TCVN 9133:2011	210x300x86 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		36.364															
264	Ngóc chạc ba	Viên	TCVN 9133:2011	390x395x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		86.364															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
265	Ngói chạc tư	Viên	TCVN 9133:2011	390x390x120 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		104.545															
266	Ngói chạc chữ T	Viên	TCVN 9133:2011	280x340x86 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		86.364															
267	Ngói chặn cuối nóc	Viên	TCVN 9133:2011	176x200x12mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		27.273															
268	Ngói chặn cuối rìa	Viên	TCVN 9133:2011	78,5x184x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		25.000															
269	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	78.704	78.704										85.000		70.370			
270	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	50x50 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	83.333	83.333												86.111			
271	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	115.741	115.741												94.445			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
272	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	45x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	87.963	87.963															
273	Gạch ốp lát chống trơn Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	25x25 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	78.704	78.704															
274	Gạch ốp lát chống trơn Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	111.111	111.111															
275	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men bóng hiệu ứng Fill 150x150mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 06 viên = 0.14m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		453.725															
276	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, không mài cạnh, dòng sản phẩm ốp lát thanh dạng gỗ, men Matt, hiệu ứng Relief và Sugar 200x1000 mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		229.632															
277	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 200x200mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		277.763															
278	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x800mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		215.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
279	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x900mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		214.815															
280	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, khuôn mài cạnh men matt. 300x300mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		125.000															
281	Gạch ốp lát Gạch Ceramic in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 250x250mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		93.048															
282	Gạch ốp Ceramic in KTS không mài cạnh, men Matt. 120x600mm- Nhóm B11b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		150.000															
283	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x400mm- Nhóm B11b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		129.441															
284	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x800mm- Nhóm B11b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		162.220															
285	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men matt. Hiệu ứng Sugar mịn 300x300mm- Nhóm B111	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		136.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
286	Gạch ốp Ceramic in KTS, mài cạnh 300x600mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		152.528															
287	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 500x860mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		134.660															
288	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 250x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		95.200															
289	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men bóng. Hiệu ứng Sinking 300x450mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		117.867															
290	Gạch lát sàn nước Ceramic in KTS mài cạnh, men Matt. 400x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		162.188															
291	Gạch ốp Ceramic in KTS mài cạnh. 400x800mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		185.006															
292	Gạch Ceramic in KTS, dòng sản phẩm trang trí, hiệu ứng Sugar, Structured. 200x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 12 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		127.500															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
293	Gạch lát Ceramic in KTS 400x400mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		113.688															
294	Gạch lát Ceramic in thường 400x400mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		93.330															
295	Gạch lát Ceramic in thường 500x500mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		104.040															
296	Gạch lát Ceramic in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		116.940															
297	Gạch lát Bôn sứ in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		140.833															
298	Gạch lát Ceramic in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		111.111															
299	Gạch ốp lát bôn sứ in KTS 300x600mm- Nhóm BIIb	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		149.534															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
300	Gạch lát bản sứ in KTS 600x600mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		159.611															
301	Gạch Ceramic in KTS 400x600mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		134.667															
302	Gạch lát bản sứ in KTS 400x800mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		173.035															
303	Gạch bản sứ in KTS 500x500mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		149.779															
304	Gạch Ceramic in KTS 500x800mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		139.112															
305	Gạch Cotto 400x400mm- nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp 6 viên= 0.96M ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		100.170															
306	Gạch Cotto 500x500mm- Nhóm B1b	m ²	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp 4 viên= 1M ²)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		113.832															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
307	Gạch Porcelain in KTS Men matt, hiệu ứng Structured 150x900mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		265.333															
308	Gạch Porcelain in KTS Men matt. 200x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 06 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		315.000															
309	Gạch Porcelain in KTS 300x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		203.000															
310	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng 300x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		233.000															
311	Gạch Bán sứ in KTS 75x300 (mm)- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		350.000															
312	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 8.5mm 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		177.778															
313	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng Carving gold 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		233.335															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
314	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng lon âm 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372															
315	Gạch Porcelain in KTS, Kim sa 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372															
316	Gạch Porcelain in KTS, Nano Polised - Hygienic Ag+ 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372															
317	Gạch Porcelain in KTS, /Anti-slip/ Chống trơn 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		259.261															
318	Gạch Granite in KTS 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		200.000															
319	Gạch Porcelain in KTS 600x900mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.62m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		249.000															
320	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		263.889															
321	Gạch Porcelain in KTS 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		305.556															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ang	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
322	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng Carving gold 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		333.703															
323	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm hiệu ứng Ion âm 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		277.778															
324	Gạch Porcelain in KTS, Kim sa 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		333.703															
325	Gạch Granite in KTS 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		347.223															
326	Gạch Bán sứ in KTS, xương móng 9.5mm bề mặt bóng, matt 800x800 (mm)- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		282.871															
327	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm 600x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 2 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		450.566															
328	Gạch Porcelain in KTS, dòng sản phẩm Nano Polised - Hygienic Ag+ 600x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 2 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		532.000															
329	Gạch Porcelain in KTS 1000x1000mm- Hiệu ứng Carving Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		633.333															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
330	Gạch Bán sứ in KTS 1000x1000mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		449.445															
331	Gạch Porcelain in KTS 1200x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		729.167															
332	Gạch Porcelain in KTS 800x1600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyện Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		733.866															
333	Gạch ốp lát Prime Tiptop	m2			80x80 cm																179.629			
334	Gạch ốp lát chống trơn Prime Tiptop	m2			30x30 cm																106.481			
335	Gạch ốp lát chống trơn Prime Tiptop	m2			40x40 cm																144.445			
336	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X300mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên. ĐT 0973.699.991		198.000															
337	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên. ĐT 0973.699.991		207.000															
338	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	400X400mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên. ĐT 0973.699.991		215.000															
339	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	600X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên. ĐT 0973.699.991		235.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
340	Gạch ốp lát Porcelain nhóm B1a	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		285.000															
341	Gạch ốp lát Gạch Porcelain nhóm B1a	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	600X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		298.000															
342	Gạch ốp lát Porcelain nhóm B1a	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	800X800mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		320.000															
343	Gạch ốp lát Porcelain nhóm B1a	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	1200X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		370.000															
344	Gạch ốp lát Porcelain nhóm B1a	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	1000X1000mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		390.000															
345	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2		300X300mm	Công ty cổ phần gạch ốp lát Thái Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		170.000															
346	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2		300X600mm	Công ty cổ phần gạch ốp lát Thái Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		163.000															
347	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2		600X600mm	Công ty cổ phần gạch ốp lát Thái Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		170.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
348	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIIA	m2		600X600mm	Công ty cổ phần gạch ốp lát Thái Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		205.000															
	GẠCH CERAMIC FLOOR TILES - ĐỒNG TÂM																							
349	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (40x40)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					115.000												
350	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (50x50)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					140.000												
351	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (60x60)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					176.000												
352	Gạch lát chống trơn 30x30	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					105.000												
353	Gạch ốp tường KT: 25x40	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					105.000												
354	Gạch ốp tường KT: 30x45	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					125.000												
355	Gạch ốp tường KT: 30x60	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					135.000												
356	Gạch đồ lát nền	m2		40x40 cm			Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thùý, xã Tuần Giáo. ĐT: 0868237036					105.000					-			85.000				
357	Gạch ốp lát	hộp		50x50cm													-			115.000				
358	Gạch ốp lát	hộp		30x60cm																125.000				
359	Gạch ốp lát	hộp		30x30cm																115.000				
360	Gạch ốp lát	hộp		30x45cm																				
	V. THÉP XÂY DỰNG																							
361	Thép cuộn phi 6, phi 8	kg	TCVN 1651 – 1:2008	Φ6, Φ8	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			15.461	15.461	16.000										17.500		23.760		
362	Thép cây vân phi 10, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651-2:2008/JIS G3112:2010	Φ10	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			15.511	15.511	16.064										17.500		23.760		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
363	Thép cây vằn phi 12, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651-2:2008;JIS G3112:2010	Φ12	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			15.811	15.811	15.136										17.500		22.680		
364	Thép cây vằn phi 14 - 40, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651-2:2008;JIS G3112:2010	Φ14- Φ40	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			15.761	15.761	15.136										17.500		22.680		
365	Thép hình U, L, dấp thép đen	kg	TCVN 1651-2:2008;JIS G3112:2010		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.499	16.499			18.000					15.727			19.000				
366	Thép hình V, I thép đen	kg	TCVN 1655 - 75		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.211	16.211			18.000					15.727			19.000				-
367	Thép hộp mã kẽm	kg	TCVN 1651-2:2008; JIS G3112:2010		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			17.545	17.545	20.591		21.000								18.200				-
368	Thép hộp đen	kg	TCVN 1651-1:2018		Thép Hòa Phát					20.136														
369	Thép cuộn phi 6, phi 8 (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6, Φ8	Thép Hòa Phát			15.431	15.431	16.000		17.000					15.909						14.545	17.273
370	Thép cây phi 10 (CB400V)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ10	Thép Hòa Phát			15.831	15.831	16.000		17.500					16.090						14.545	17.273
371	Thép cây phi Φ12 (CB400V)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12	Thép Hòa Phát			15.631	15.631	15.909		17.200					15.909						15.454	17.273
372	Thép cây phi 14 (CB400V)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14	Thép Hòa Phát			15.631	15.631	15.909		23.500					15.909						15.454	17.273
373	Thép cây vằn phi Φ16- Φ32	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ16-	Thép Hòa Phát			15.631	15.631								15.909							
374	Thép cây vằn phi Φ18- Φ32	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ18	Thép Hòa Phát			15.631	15.631								15.909							
375	Thép cây vằn phi Φ20- Φ32	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ20	Thép Hòa Phát			15.631	15.631								15.909							
376	lưới B40+ gai thép hình, thép tấm các loại	kg	TCVN 1651-2:2018		Thép Hòa Phát			20.909	20.909															
377	Thép cuộn Φ6+Φ8	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6, Φ8	Thép Việt Đức			15.261	15.261															
378	Thép thanh vằn Φ10 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ10	Thép Việt Đức			15.661	15.661															
379	Thép thanh vằn Φ12 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12	Thép Việt Đức			15.461	15.461															
380	Thép thanh vằn Φ14 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14	Thép Việt Đức			15.461	15.461															
381	Thép thanh vằn Φ18 - Φ22 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ18- Φ22	Thép Việt Đức			15.461	15.461															
382	Thép cuộn Φ6 - Φ8 (CB 240T), TCVN 1651-1:2008	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6- Φ8	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				13.970															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
383	Thép cuộn Φ8 (CB 300V), TCVN 1651-1:2008	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ8	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.070														-	
384	Thép thanh vằn Φ10 (Gr40), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ10	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.270														-	
385	Thép thanh vằn Φ12 (CB300V), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ12	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.070															
386	Thép thanh vằn Φ14 - Φ20 (CB300V/Gr40), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ14- Φ20	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.070															
387	Thép thanh vằn Φ10 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ10	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.620														-	
388	Thép thanh vằn Φ12 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ12	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.420														-	
389	Thép thanh vằn Φ14 - Φ32 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ14- Φ32	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.420														-	
390	Thép thanh vằn D36 CB400-V/CB500V	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ36	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.620														-	
391	Thép thanh vằn D40 CB400-V/CB500V	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-21	Φ40	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn				14.820														-	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
392	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Ø6	Công ty TNHH NatSteelVina				15.370														-	
393	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Ø8	Công ty TNHH NatSteelVina				15.370														-	
394	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø8	Công ty TNHH NatSteelVina				15.370														-	
395	Thép thanh vằn d9-d10 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø9-Ø10	Công ty TNHH NatSteelVina				15.620														-	
396	Thép thanh vằn d12-d25 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø12-Ø25	Công ty TNHH NatSteelVina				15.420														-	
397	Thép thanh vằn d10 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø10	Công ty TNHH NatSteelVina				15.920														-	
398	Thép thanh vằn d12 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø12	Công ty TNHH NatSteelVina				15.720														-	
399	Thép thanh vằn d14-d32 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Ø14-Ø32	Công ty TNHH NatSteelVina				14.770														-	
	THÉP KHÁC																							
400	Dây thép đen mềm 1 ly VN	kg	TCVN 197:2002					17.636	17.636	20.727		18.400					18.181		30.000		22.727		18.181	
401	Dây thép mạ kẽm 2-4ly VN	kg	TCVN 197:2002					19.273	19.273	20.545		24.700							30.000		22.727			
402	Lưới thép B40	kg	TCVN 197:2002					19.182	19.182	21.182		20.500							20.000		20.000		-	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luân	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
403	Đinh 3cm -7cm	kg	TCVN 197:2002					19.318	19.318			21.400									20.370		-	
404	Đinh 10cm	kg	TCVN 197:2002					19.318	19.318			20.800							20.000		20.370		-	
405	Que hàn 2,5 ly	kg	TCVN 197:2002																80.000		63.636			
406	Que hàn 2,5 ly	kg	TCVN 197:2002																		109.090			
	VI. XI MĂNG																							
407	Xi măng Bút Sơn PCB 30	kg	TCVN 6260:2020; ISO 9001:2015		Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn			1.713	1.648										1.455				1.712	
408	Xi măng Bút Sơn PCB 40	kg	TCVN 6260:2020; ISO 9001:2015		Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn			1.759	1.713			1.800							1.636					
409	Xi măng trắng Hải Phòng, Thái Bình loại 50kg/bao	kg	TCVN 5691:2021		Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng			3.182	3.182											15.000		2.700		
410	Xi măng Điện Biên PCB 30	kg	TCVN 6260:2020;QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần xi măng Điện Biên			1.409	1.409	1.704		1.409	1.409	1.409			1.500				1.540	2.160	1.297	1.852
411	Xi măng Điện Biên PCB 40	kg	TCVN 6260:2020;QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần xi măng Điện Biên			1.473	1.473	1.750		1.473	1.473	1.473			1.600				1.540	2.268	1.703	1.944
412	Xi măng Trung Sơn PCB30	kg			Cửa hàng Chu Sỹ Tuấn; Ông Chổng Sín, xã Sin Chải														1.700					
413	Xi măng Trung Sơn PCB40	kg			Cửa hàng Chu Sỹ Tuấn; Ông Chổng Sín, xã Sin Chải														1.800					
414	Xi Măng Sông Mã PCB30	kg	TCVN 6260:2020		Công ty xi măng Sông Mã		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		1.435															
415	Xi Măng Sông Mã PCB40	kg	TCVN 6260:2020		Công ty xi măng Sông Mã		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)	1.500	1.500															
416	Xi Măng chống thấm CX-MEN	Bao	QCVN16:2017/BXD		Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập,Xã Thanh Nưa, SDT: 0914.535.012																825.000	
417	Xi măng chống thấm CX-MEN PRO 68	Thùng	TCVN 8826:2011		Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập,Xã Thanh Nưa, SDT: 0914.535.013																1.880.000	
418	Xi măng PC 30	kg	TCVN 6260:2020					1.435	1.435											1.500				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
419	Xi măng PC 40	kg	TCVN 6260:2020					1.481	1.481											1.700				
420	Vôi cục	kg						2.727	2.727															
421	Vôi bột	kg										7.273												
	VII. BÊ TÔNG VÀ PHỤ GIA CÁC LOẠI																							
422	Bê tông thương phẩm	m3		M150	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.041.000										
423	Bê tông thương phẩm	m3		M200	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.291.000										
424	Bê tông thương phẩm	m3		M250	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.358.000										
425	Bê tông thương phẩm	m3		M300	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.423.000										
426	Vữa Chống Thẩm CX-MEN Nano Gold	Bao	TCVN 8826:2011	25kg	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SDT: 0914.535.012																550.000	
427	Phụ gia hóa học CX MEN Pro one	Lon	TCVN 8826:2012	300ml	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SDT: 0914.535.012																1.193.500	
428	Phụ gia hóa học CX MEN Pro	Can	TCVN 8826:2013	2 Lit	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SDT: 0914.535.012																737.000	
429	Keo dán Gạch CX MEN MOZART	Bao	TCVN7899-1:2008	25kg	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SDT: 0914.535.012																330.000	
430	Bê tông M300, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M300	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bản Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.380.000	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ang	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
431	Bê tông M250, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M250	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bản Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.280.000	
432	Bê tông M200, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M200	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bản Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.179.000	
433	Bê tông M150, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M150	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bản Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.075.000	
434	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R7N loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	100.000																
435	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R7N loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	500.000																
436	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R4 loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	165.455																
437	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R4 loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	700.000																
438	Sika cho sản xuất bê tông	thùng		Sika lastic 680 loại thùng 28 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	3.386.364																
439	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sika sigunit L53 MY loại can 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	1.081.818																
440	Sika cho sản xuất bê tông	phuy		Sika sigunit L53 MY loại phuy 200 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	8.381.818																
441	Sản phẩm hỗ trợ	can		Plastocrete N loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	750.000																
442	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sikagrout 214-11 loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	320.000																
443	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sikagrout GP loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	280.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
444	Vữa rót gốc xi măng	túi		Tile Grout White loại 1 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	18.182																
445	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sika Tile Bond GP loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	190.909																
446	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	481.818																
447	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	2.300.000																
448	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex TH loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	1.554.545																
449	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex TH loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	350.000																
450	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	kg		Intraplast Z- HV	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	109.091																
451	Chất kết dính cường độ cao	tuýp		sika Anchorfix- keo kết nối sắt tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	650.000																
452	Chất trám khe và chất kết dính đàn hồi	tuýp		Sikaflex Construction AP tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	190.909																
453	Chất chống thấm	bộ		Sikatop Seal 107 loại bộ gồm bao 20 kg và can 5 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	850.000																
454	Chất chống thấm	túi		Sika 102 loại 2 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	350.000																
455	Màng chống thấm	thùng		Sikaproof Membrane loại 18 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	981.818																
456	Màng chống thấm	thùng		Sikaproof Membrane loại 6 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	450.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
457	Màng chống thấm	thùng		Sika Raintile (G,W) loại 20 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	1.950.000																
458	Màng chống thấm	thùng		Sika Raintile (G,W) loại 4 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	450.000																
459	Màng chống thấm	thùng		Sika Lactie 632R loại 21 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	4.200.000																
460	Màng chống thấm	thùng		Sika Uprimer loại 14 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	2.800.000																
461	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika Waterbar V20(Y)	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	250.000																
462	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika SwellStop	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	180.000																
463	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika SwellStop II	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	95.455																
464	Sản phẩm cho các khe nối	tuýp		sika Anchorfix- keo kết nối sắt tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	650.000																
465	Màng chống thấm định hình	m2		Bituseal T130SG	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	163.636																
466	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- SSA loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	15.727																
467	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- SSA 2000 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	18.091																
468	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- HR 1000 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	24.818																
469	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- HR 1500 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	29.545																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
470	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- SPR 1000 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	29.545																
471	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lít		Roadcon- SR 3000S loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	47.727																
472	Phụ gia siêu dẻo giảm nước mức cao	lít		Roadcon- SR 1000P loại phuy 200 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	33.364																
473	Phụ gia siêu dẻo giảm nước mức cao	lít		Roadcon- SR 2000P loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	32.455																
474	Phụ gia đông kết nhanh cho hỗn hợp bê tông	lít		Roadcon- LF 3000 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	42.909																
VIII. NHỰA ĐƯỜNG, CARBONCOR ASPHALT																								
475	Nhựa đường phuy Iran	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																
476	Nhựa đường lỏng 60/70 xe 16 tấn	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																
477	Nhựa đường lỏng 60/70 xe 27 tấn	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																
478	Carboncor/Asphalt -CA 9.5	kg	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên; ĐT: 0978.200.505 Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																4.208	
479	Carboncor/Asphalt -CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	kg	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên; ĐT: 0978.200.505 Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																3.378	
480	Nhũ tương kiểm thẩm bảm	Đ/lít	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên; ĐT: 0978.200.505 Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																50.000	
IX. VẬT LIỆU TẮM LỘP, BAO CHE																								
481	Tấm lợp Fibơ xi măng Thái Nguyên loại I. TCVN 4434-2000. (Kích thước: 1.400 mm x 900 mm x 5 mm).	tấm	TCVN 4434-2000	(Kích thước: 1.400 mm x 900 mm x 5 mm).				39.352	39.352			45.000							43.000					55.556

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
482	Tấm úp nóc Thái Nguyên: 1.000 mm x 340 mm x 5 mm	tám	TCVN 8053:2009	KT: 1.000mmx340x5mm				13.636	13.636			17.000							18.000					
483	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,35mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	89.091	89.091			85.000					77.272				72.727			90.909
484	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,40mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	100.000	100.000			95.000					86.363		60.000		72.273			
485	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,45mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	109.091	109.091			107.000									81.818			
486	Máng mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khổ 300 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	36.364	36.364			30.000									27.273			
487	Máng mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khổ 400 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	54.545	54.545			40.000												
488	Nóc mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khổ 300 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	45.455	45.455															
489	Nóc mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khổ 400 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	54.545	54.545															
490	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,35mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	159.091	159.091			130.000					113.636							
491	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,4mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	172.727	172.727			140.000					122.727							
492	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,42mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	177.273	177.273			150.000												
493	Tấm lợp Fibrô xi măng TN loại 1 KT: 1,5x0,91m	tám	TCVN 4434-2000	KT: 1,5x0,91m								40.909												
494	Tấm lợp Fibrô xi măng TN loại 2 KT: 1,5x0,91m	tám	TCVN 4434-2000	KT: 1,5x0,91m								37.273												
495	Tấm úp nóc Fibrô xi măng TN TCVN 4434-2000	viên	TCVN 4434-2000	KT:(1.000x400 x5)mm								15.455												
499	Tấm lợp Fibro xi măng	tám	TCVN 4434-2000	KT: 1,4mx0,9mx 5mm																				
500	Tấm lợp tôn các loại	m2																		55.000			64.545	
501	Tấm lợp nhựa các loại	m2																		75.000			63.636	
	X. SON																							

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luân	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
502	Sơn Giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	AASHTO M249-12	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	29.000																
503	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg	AASHTO M249-12	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	39.500																
504	Sơn giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	36.500																
505	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	37.500																
506	Joline Primer (sơn lót) cho hệ nhiệt dẻo	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	95.800																
507	Sơn giao thông hệ dung môi Joway trắng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	153.000																
508	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đen	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	153.000																
509	Sơn giao thông hệ dung môi Joway vàng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	191.800																
510	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đỏ	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	191.700																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
511	Hạt phản quang loại A	kg	TCVN 8791:2011	Thùng 25kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	32.700																
512	Jones WEPO	kg	TCCS CN24:2022	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	250.000																
513	Jona WEPO màu thường	kg	TCCS CN07:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	299.000																
514	Jones Epo Clear	kg	TCCS CN09:2023	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	219.000																
515	Jona Epo màu cơ bản	kg	JISK 5659:2018	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	290.000																
516	Jones Sealer EC	kg		Thùng 10kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	210.000																
517	Jona Level New	kg	TCCS CN05:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	208.000																
518	Dung môi TN 305	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	72.600																
519	Dung môi TN 401	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	66.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
520	Dung môi TN 304	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	77.000																
521	Sp Primer (Chống rỉ)	Kg	JIS K 5962:1993	Thùng 20kg, Lon 3,5kg, Lon 1kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	107.250																
522	Jimmy (Phủ Alkyd)	Kg	JIS K 5962:1993	Thùng 20kg, Lon 3kg, Lon 0,8kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	157.400																
523	Bột bả cao cấp Joton	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	14.875																
524	Bột bả ngoại thất J-Plus	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	17.900																
525	Bột bả Jolia nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 25kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	9.100																
526	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất Joton Altex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	148.600																
527	Sơn lót kháng kiềm nội thất Joton Altin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 3,8L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.700																
528	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Fotex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	148.600																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
529	Sơn lót chống kiềm nội thất Fotin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.700																
530	Sơn Joton FA ngoại thất bóng	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17L, Lon 5L, 1L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	323.529																
531	Sơn Joton FA nội thất	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	109.833																
532	Sơn Jony ngoại thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	169.000																
533	Sơn Jony nội thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	75.600																
534	Sơn lót ngoại thất JOTON ALTEX DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.200																
535	Sơn lót nội thất JOTON ALTIN DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	61.600																
536	Sơn phủ ngoại thất JOTON JONY E	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	90.500																
537	Sơn phủ nội thất JOTON JONY INT	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	40.800																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
538	Sơn nội thất VALENTA ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		276.364															
539	Sơn nội thất VALENTA ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18 L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		850.909															
540	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp VALENTA SUPER WHITE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		535.455															
541	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp VALENTA SUPER WHITE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.773.636															
542	Sơn bóng nội thất cao cấp VALENTA HIGHCLASS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.105.455															
543	Sơn bóng nội thất cao cấp VALENTA HIGHCLASS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.620.909															
544	Sơn nội thất cao cấp VALENTA SILKY	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		395.455															
545	Sơn nội thất cao cấp VALENTA SILKY	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.386.364															
546	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		353.636															
547	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.365.455															
548	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		4.462.727															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
549	Sơn men sứ nội thất VALENTA INTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		429.091															
550	Sơn men sứ nội thất VALENTA INTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.833.636															
551	Sơn ngoại thất VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		522.727															
552	Sơn ngoại thất VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.389.091															
553	Sơn ngoại thất cao cấp VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		650.000															
554	Sơn ngoại thất cao cấp VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.090.909															
555	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		341.818															
556	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.304.545															
557	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		4.406.364															
558	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SPECIAL PROTECTION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		409.091															
559	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SPECIAL PROTECTION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.692.727															
560	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		455.455															
561	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.957.273															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
562	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		6.607.273															
563	Sơn lót kháng kiềm nội thất VALENTA PRIMER INTERIOR ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		508.182															
564	Sơn lót kháng kiềm nội thất VALENTA PRIMER INTERIOR ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.781.818															
565	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp VALENTA PRIMER INTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		661.818															
566	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp VALENTA PRIMER INTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.316.364															
567	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp VALENTA PRIMER EXTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		917.273															
568	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp VALENTA PRIMER EXTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.058.182															
569	Sơn lót đặc biệt No 1 VALENTA PRIMER NUMBER ONE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		493.636															
570	Sơn lót đặc biệt No 1 VALENTA PRIMER NUMBER ONE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.972.727															
571	Sơn chống thấm đa năng VALENTA WATERPROOF	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		731.818															
572	Sơn chống thấm đa năng VALENTA WATERPROOF	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.507.273															
573	Sơn chống thấm màu cao cấp VALENTA COLOR WATERPROOFING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.010.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
574	Sơn chống thấm màu cao cấp VALENTA COLOR WATERPROOFING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.240.000															
575	PHỦ BÓNG KHÔNG MÀU CLEAR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		717.273															
576	SEALING - BỘT BẢ TRONG NHÀ	Kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		318.182															
577	UNBROKEN - BỘT BẢ NGOÀI NHÀ CAO CẤP	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		409.091															
578	Sơn nhũ (Nhũ vàng, nhũ bạc, nhũ đồng) VALENTA PLATINUM EMULSION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		381.818															
579	Sơn nhũ (Nhũ vàng, nhũ bạc, nhũ đồng) VALENTA PLATINUM EMULSION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.714.545															
580	Sơn giả đá VALENTA PLATINUM STONE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		772.727															
581	Sơn trắng bóng nội ngoại thất cao cấp E8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2024	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.406	
582	Sơn chống thấm đa năng ET18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																157.894	
583	Sơn chống thấm màu ECTI6A	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																198.564	
584	Sơn mịn ngoại thất S5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																85.142	
585	Sơn mờ ngoại thất S2	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																105.801	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chú chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
586	Son bóng ngoại thất S3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																226.208	
587	Son siêu bóng ngoại thất S4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																266.151	
588	Son trắng trần nội thất E1000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																88.398	
589	Son mịn nội thất E7	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																39.047	
590	Son mịn nội thất E5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																55.671	
591	Son bóng nội thất E3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.048	
592	Son siêu bóng nội thất E4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																225.338	
593	Son lót kháng kiềm nội thất đặc biệt E9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																103.722	
594	Son lót kháng kiềm nội thất E9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																83.636	
595	Son lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt S9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																143.722	
596	Son lót kháng kiềm ngoại thất S9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																116.363	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
597	Son trắng bóng nội ngoại thất cao cấp J8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																176.651	
598	Son chống thấm đa năng JT18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																159.712	
599	Son chống thấm màu JCT16A	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																198.564	
600	Son mịn ngoại thất A5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																81.731	
601	Son mờ ngoại thất A2	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																107.619	
602	Son bóng ngoại thất A3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																227.852	
603	Son siêu bóng ngoại thất A4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																267.504	
604	Son trắng trần nội thất J1000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																94.091	
605	Son mịn nội thất J7	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																41.038	
606	Son mịn nội thất J5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																55.931	
607	Son bóng nội thất J3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.628	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luẩn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
608	Son siêu bóng nội thất J4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																226.692	
609	Son lót kháng kiềm nội thất đặc biệt J9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																104.675	
610	Son lót kháng kiềm nội thất J9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																84.818	
611	Son lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt A9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																144.761	
612	Son lót kháng kiềm ngoại thất A9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																121.818	
613	Son trắng bóng nội ngoại thất cao cấp T8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																181.818	
614	Son chống thấm đa năng CT18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																139.712	
615	Son chống thấm màu CTM8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																200.956	
616	Son mịn ngoại thất M8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																86.406	
617	Son bóng mờ ngoại thất BM8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																150.871	
618	Son bóng ngoại thất B8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																212.765	
619	Son siêu bóng ngoại thất SB8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																313.368	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
620	Son trắng trần nội thất T6000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																72.727	
621	Son mịn nội thất KT6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																31.404	
622	Son mịn nội thất M6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																53.679	
623	Son bóng mờ nội thất BM6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																117.988	
624	Son bóng nội thất B6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																154.545	
625	Son siêu bóng nội thất SB6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																212.834	
626	Son lót kháng kiềm nội thất đặc biệt P666	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																102.164	
627	Son lót kháng kiềm nội thất LT6111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																60.691	
628	Son lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt P8888	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chí Hướng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																119.481	
	SON NISENTEX																							
629	Son lót chống kiềm, mốc nội thất cao cấp (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					89.444												
630	Son lót chống kiềm, mốc ngoại thất cao cấp (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					128.009												
631	Son nội thất trắng, màu cao cấp A+(thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					46.019												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
632	Sơn nội thất cao cấp trắng, màu Super (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					65.741												
633	Sơn ngoại thất cao cấp trắng, màu 3in1 (thùng 21kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					99.630												
634	Sơn ngoại thất siêu bóng trắng, màu bóng (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					214.352												
635	Sơn chống thấm màu cao cấp (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					172.685												
636	Sơn chống thấm đa năng trộn XM (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyến, xã Tuần Giáo: 0899.829.998					154.630												
637	Sơn chống ri (loại hộp 2kg)	kg		Thùng			Dại lý Hà Dương, xã Tuần Giáo ĐT: 0215.3862.550					88.000												
638	Sơn ATM trắng 4l	Lít		lon																			111.454	
639	Sơn ATM trắng 18l	Thùng		thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																462.963	
640	Sơn AKPEC P400	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																518.690	
641	Sơn SENPEC - P500 (18 lít)	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																750.171	
642	Sơn SENPEC - P505 (18 lít)	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																840.192	
643	Bột bả, bột màu (bao 40kg)	Kg		Kg			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																207.476	
XI. VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC																								
Ống nhựa chịu nhiệt PN 10																								
643	Phi 20 x 2,3 mm	m						21.667	21.667												55.555		21.759	
644	Phi 25 x 2,3 mm	m						38.704	38.704												92.592		39.074	
645	Phi 32 x 2,9 mm	m						50.926	50.926												101.851			
646	Phi 40 x 3,7 mm	m						67.407	67.407												111.111			
647	Phi 50 x 4,6 mm	m						99.074	99.074												185.185			
648	Phi 63 x 5,8 mm	m						157.407	157.407															
649	Phi 75 x 6,8 mm	m						219.444	219.444															
650	Phi 90 x 8,2 mm	m						319.444	319.444															
651	Phi 110 x 10,0 mm	m						633.333	633.333															
Ống nhựa chịu nhiệt PN 20																								
652	Phi 20 x 3,4 mm	m						25.926	25.926												60.000			
653	Phi 25 x 4,2 mm	m						47.315	47.315												92.592			
654	Phi 32 x 5,4 mm	m						69.074	69.074												138.888			
655	Phi 40 x 6,7 mm	m						106.944	106.944															
656	Phi 50 x 8,3 mm	m						166.296	166.296															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
657	Phi 63 x 10,5 mm	m						262.500	262.500															
658	Phi 75 x 12,5 mm	m						372.222	372.222															
659	Phi 90 x 15 mm	m						542.407	542.407															
660	Phi 110 x 18,3 mm	m						803.056	803.056															
	Ông tránh																							
661	Phi 20	m						13.889	13.889												4.629			
662	Phi 25	m						23.148	23.148												9.259			
	Cát 90 độ																							
663	Phi 20	chiếc						5.370	5.370												4.630			
664	Phi 25	chiếc						7.130	7.130											10.000	7.407			
665	Phi 32	chiếc						12.407	12.407												9.259			
666	Phi 40	chiếc						20.556	20.556															
667	Phi 50	chiếc						35.741	35.741												15.000	37.037		
668	Phi 63	chiếc						109.537	109.537															
669	Phi 75	chiếc						142.870	142.870															
670	Phi 90	chiếc						224.259	224.259															
671	Phi 110	chiếc						405.000	405.000															
	Ông nhựa PVC (Tiền Phong)																							
672	Phi 21	m						6.296	6.296			12.000								8.750	35.185		5.556	
673	Phi 27	m						7.333	7.333			15.000								12.000	46.296			
674	Phi 34	m						8.264	8.264			22.000								15.500	50.925			
675	Phi 42	m																					13.148	
676	Phi 48	m						14.815	14.815												55.555		15.370	
677	Phi 60	m						21.296	21.296			32.000								18.000	83.333			
678	Phi 75	m						22.685	22.685			50.200									111.111			
679	Phi 90	m						35.556	35.556			66.000								36.250				
680	Phi 110	m						50.278	50.278			76.000								55.000				
	Ông nhựa HDPE																							
681	Ông nhựa HDPEPN8 phi 40 dày 2mm	m										22.200												
682	Ông nhựa HDPEPN8 phi 50 dày 2,4mm	m										34.500												
683	Ông nhựa HDPEPN10 phi 32 dày 2mm	m						50.926				17.300												
684	Ông nhựa HDPEPN10 phi 40 dày 2,4mm	m						67.407																
685	Ông nhựa HDPEPN10 phi 50 dày 3mm	m						99.074																
	Chếch 45 độ																							

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luẩn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
686	Phi 20	chiếc						4.444	4.444												4.629			
687	Phi 25	chiếc						7.130	7.130												5.555			
688	Phi 32	chiếc						10.741	10.741												6.481			
689	Phi 40	chiếc						21.389	21.389												7.407			
690	Phi 50	chiếc						40.833	40.833												21.296			
691	Phi 63	chiếc						94.722	94.722															
692	Phi 75	chiếc						143.796	143.796															
693	Phi 90	chiếc						179.352	179.352			28.000												
694	Phi 110	chiếc						298.241	298.241			45.000												
	Tê thu																							
695	Phi 25	chiếc						9.722	9.722			36.000									9.259			
696	Phi 32	chiếc						17.130	17.130			41.800									11.111			
697	Phi 40	chiếc						37.685	37.685			80.800												
698	Phi 50	chiếc						66.944	66.944			129.000												
699	Phi 63	chiếc						116.389	116.389			13.000												
700	Phi 75	chiếc						159.352	159.352															
701	Phi 90	chiếc						248.333	248.333			434.000												
702	Phi 110	chiếc						419.352	419.352			863.000												
	Bự																							
703	Phi 20	chiếc						2.685	2.685												4.629			
704	Phi 25	chiếc						4.630	4.630												5.555			
705	Phi 32	chiếc						6.296	6.296															
706	Phi 40	chiếc						9.074	9.074															
707	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 20, dày 1,4mm				16.267	16.267												-			
708	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 25, dày 1,4mm				20.843	20.843															
709	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 32, dày 1,4mm				26.520	26.520															
710	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 76, dày 1,4mm				60.073	60.073															
711	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 15, dày 1,9 mm								90.741											24.074	
712	Cút nhiệt phi 25	cái																		10.000				
713	Cút nhiệt phi 50	cái																		15.000				
714	Cút nhựa PVC phi 21	cái										8.000								5.000				
715	Cút nhựa PVC phi 27	cái										9.000								6.000				
716	Cút nhựa PVC phi 34	cái										11.000								7.000				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
717	Cút nhựa PVC phi 60	cái										13.000								10.000				
718	Cút nhựa PVC phi 90	cái										35.000								15.000				
719	Cút nhựa PVC phi 110	cái										56.000								18.000				
720	Măng sông nhiệt phi 25	cái																		10.000				
721	Măng sông nhiệt phi 50	cái																		15.000				
722	Măng sông PVC phi 21	cái																		5.000				
723	Măng sông PVC phi 27	cái																		6.000				
724	Măng sông PVC phi 34	cái																		7.000				
725	Măng sông PVC phi 60	cái																		10.000				
726	Măng sông PVC phi 90	cái																		15.000				
727	Măng sông PVC phi 110	cái																		18.000				
728	Tê nhiệt phi 25	cái																		10.000				
729	Tê nhiệt nhiệt phi 50	cái																		25.000				
730	Tê nhựa PVC phi 21	cái										8.000								5.000				
731	Tê nhựa PVC phi 27	cái										9.000								6.000				
732	Tê nhựa PVC phi 34	cái										11.000								7.000				
733	Tê nhựa PVC phi 60	cái										13.000								12.000				
734	Tê nhựa PVC phi 90	cái										35.000								25.000				
735	Tê nhựa PVC phi 110	cái										59.000								35.000				
736	vòi rửa các loại	bộ																		450.000				
737	Chậu rửa các loại	bộ																		350.000			263.889	
738	Chậu tiểu nam	bộ																		465.000			564.815	
739	Xi bết VL	bộ																		750.000				
740	Xi bết HC	bộ																		1.200.000			1.662.037	
741	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 160	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		7.862.727															
742	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 180	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		8.180.909															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
743	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TAS 200	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		9.090.000															
744	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TAS 230	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		10.544.545															
745	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TAS 260	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		11.362.727															
746	Bình nước nóng ARITON TI-TECH-PRO	binh		15 L			Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.500.000												
747	Bình nước nóng ARITON TI-TECH-PRO	binh		30L			Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.900.000												
748	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 7 lõi	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		5.681.818															
749	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 8 lõi	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		5.772.727															
750	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 9 lõi - New - Ko UV	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		5.954.545															
751	Bồn đứng	cái		TA 300EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.288.000															
752	Bồn đứng	cái		TA 400EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.518.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xà Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
753	Bồn đứng	cái		TA 500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.794.000															
754	Bồn đứng	cái		TA 700EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.208.000															
755	Bồn đứng	cái		TA 1000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.760.000															
756	Bồn đứng	cái		TA 1500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.404.000															
757	Bồn đứng	cái		TA 2000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.416.000															
758	Bồn đứng	cái		TA 3000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		7.176.000															
759	Bồn đứng	cái		TA 4000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		9.016.000															
760	Bồn đứng	cái		TA 5000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		10.856.000															
761	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.590.909															
762	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 700	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.818.182															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
763	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 1000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.818.182															
764	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 1500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.500.000															
765	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 2000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.545.455															
766	Bồn ngang	cái		TA 300EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.426.000															
767	Bồn ngang	cái		TA 400EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.644.960															
768	Bồn ngang	cái		TA 500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.933.840															
769	Bồn ngang	cái		TA 700EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.403.040															
770	Bồn ngang	cái		TA 1000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.074.640															
771	Bồn ngang	cái		TA 1500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.772.000															
772	Bồn ngang	cái		TA 2000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.876.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
773	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.772.727															
774	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 700	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.000.000															
775	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 1000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.909.091															
776	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 1500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.818.182															
777	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 2000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.909.091															
778	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.826.364															
779	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.917.273															
780	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.053.636															
781	Bình vuông	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.599.091															
782	Bình vuông	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.690.000															
783	Bình vuông	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.826.364															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
784	Bình ngang	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.235.455															
785	Bình ngang	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.326.364															
786	Bình ngang	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.462.727															
787	Bình vuông	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.008.182															
788	Bình vuông	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.099.091															
789	Bình vuông	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.235.455															
790	Bồn đứng	cái		1200L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.880.000												
791	Bồn đứng	cái		1500L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					3.600.000												
792	Bồn đứng	cái		2000L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					4.800.000												
793	Bồn ngang	cái		1200L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					3.120.000												
794	Bồn ngang	cái		1500L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					3.900.000												
795	Bồn ngang	cái		2000L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					5.200.000												
796	Bình nước nóng Ariont ti tech pro 30 lít	cái																					2.685.185	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Láy	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
797	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Bệt SELTA Hàn Quốc 19 gat	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.137.500	1.137.500															
798	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Bệt SELTA Hàn Quốc 19 nhân	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.400.000	1.400.000															
799	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chậu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500															
800	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chậu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			236.250	236.250															
801	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Tiểu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500															
802	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Tiểu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			218.750	218.750															
803	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chân chậu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500															
804	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chân chậu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500															
805	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Sen SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.137.500	1.137.500															
806	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Sen LG	Công ty TNHH Selta Việt Nam			525.000	525.000															
807	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Van tiểu Nam SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			568.750	568.750															
808	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Van tiểu nữ SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			586.250	586.250															
809	Thiết bị vệ sinh Selta	Sợi		Dây cáp SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			30.625	30.625															
810	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Gương SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			568.750	568.750															
811	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 500 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.636.364	1.636.364															
812	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 700 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.863.636	1.863.636															
813	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1000 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.363.636	2.363.636															
814	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1200 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.954.545	2.954.545															
815	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1500 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.590.909	3.590.909															
816	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 2000 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	4.636.364	4.636.364															
817	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.818.182	1.818.182															
818	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 700 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.045.455	2.045.455															
819	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.545.455	2.545.455															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
820	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1200 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.136.364	3.136.364															
821	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.818.182	3.818.182															
822	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 2000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	4.909.091	4.909.091															
823	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 2500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	6.409.091	6.409.091															
824	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 3000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	7.500.000	7.500.000															
825	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 1000L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.024.000	2.024.000															
826	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 700L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.610.000	1.610.000															
827	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 1000L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.392.000	2.392.000															
828	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 700L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.886.000	1.886.000															
829	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 1000L nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.254.000	2.254.000															
830	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 700L nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.702.000	1.702.000															
831	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 1000L nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.520.000	2.520.000															
832	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 700L nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.025.000	2.025.000															
833	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 15, dây 1,9	Tập đoàn Hòa Phát							25.909												
834	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 20, dây 2,1	Tập đoàn Hòa Phát							33.182												
835	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 25, dây 2,3	Tập đoàn Hòa Phát							40.455												
836	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 32, dây 2,4	Tập đoàn Hòa Phát							49.091												
837	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 40, dây 2,5	Tập đoàn Hòa Phát							59.091												
838	Ổng nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 50, dây 2,6	Tập đoàn Hòa Phát							72.727												
839	ỔNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 21 chiều dày 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							9.200												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ang	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
840	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 27 chiều dày 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							11.960												
841	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 34 chiều dày 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							16.560												
842	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 60 chiều dày 1,4mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							20.240												
843	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 75 chiều dày 1,5mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							46.184												
844	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 90 chiều dày 1,5mm PN bar 3,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							60.720												
845	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 110 chiều dày 1,9mm PN bar 3,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							69.920												
846	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2007	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																97.273	
847	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2008	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																125.818	
848	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2009	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																157.909	
849	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2010	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																206.909	
850	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2011	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																258.545	
851	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2012	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																321.091	
852	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2013	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																402.818	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
853	Ông HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2014	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																499.000	
854	Ông HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2015	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																618.818	
855	Ông HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2016	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																789.091	
856	Ông HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.002.273	
857	Ông HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.264.455	
858	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D40	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																16.636	
859	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D50	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																25.818	
860	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D63	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																40.091	
861	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D75	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																57.000	
862	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D90	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																90.000	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
863	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																120.818	
864	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																156.000	
865	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																194.273	
866	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																255.091	
867	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																321.182	
868	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																400.091	
869	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																503.818	
870	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																614.818	
871	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																784.273	
872	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																982.455	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
873	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.235.455	
874	Ông HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.584.364	
875	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D32	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																13.182	
876	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D40	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																20.091	
877	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D50	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																30.818	
878	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D63	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																49.273	
879	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D75	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																70.273	
880	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D90	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																99.727	
881	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																151.091	
882	Ông HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																156.000	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
883	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																238.091	
884	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát	55	NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																312.909	
885	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát	61	NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																393.909	
886	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																493.636	
887	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																606.727	
888	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																751.727	
889	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																936.636	
890	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.192.727	
891	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.515.727	
892	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; đ/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.926.000	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
893	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D20 – Độ dày 1,8mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	7.268																
894	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D20 – Độ dày 2,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	7.920																
895	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D20– Độ dày 2,3mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	9.318																
896	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D25– Độ dày 1,8mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	9.505																
897	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D25 – Độ dày 2,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	10.063																
898	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D25– Độ dày 2,3mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	12.020																
899	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D25 – Độ dày 3,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	14.070																
900	Ống nhựa HDPE 100 D32	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D32– Độ dày 1,9mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	12.020																
901	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D32 – Độ dày 2,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	13.512																
902	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D32 – Độ dày 2,4mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	16.493																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
903	Ông nhựa HDPE 100	m	D32 PN16 x 3,0mm	D32 – Độ dày 3,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	19.288																
904	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D32 – Độ dày 3,6mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	23.202																
905	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày 1,8mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	15.748																
906	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày 2,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	17.052																
907	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày 2,4mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	20.593																
908	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày x3,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	24.880																
909	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày 3,7mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	29.912																
910	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D40 – Độ dày x4,5mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	35.502																
911	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D50 – Độ dày x2,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	22.270																
912	Ông nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D50 – Độ dày x2,4mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	26.463																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
913	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D63 – Độ dày x2,5mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	37.757																
914	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D63 – Độ dày x3,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	41.093																
915	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D75 – Độ dày x2,9mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	47.336																
916	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D75 – Độ dày x3,6mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	58.425																
917	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D90 – Độ dày x3,5mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	77.620																
918	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D90 – Độ dày x4,3mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	92.250																
919	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D110 – Độ dày x4,2mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	97.273																
920	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D110 – Độ dày x5,3mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	120.364																
921	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D125 – Độ dày x4,8mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	123.302																
922	Ống nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D125 – Độ dày x6,0mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đinh Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. ĐT 0981.229.522	152.880																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
923	Ổng nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D140 – Độ dày x5,4mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đình Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	157.909																
924	Ổng nhựa HDPE 100	m	ISO 4427-2:2019; QCVN:16/2023/BXD; QCVN 12-1:2011/BYT	D140 – Độ dày x6,7mm	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Super Trường Phát		NPP Đình Ngọc Dũng, d/c: SN 66, tổ 6, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.ĐT 0981.229.522	190.388																
925	Bê-tông 2 nút nhấn	Bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					3.600.000												
926	Xi-tê xi	Bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					166.667												
927	Tiêu-nữ HC + van + Xi-phông (cảm ứng)	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					11.111.111												
928	Tiêu-nam HC + van + Xi-phông	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.814												
929	Chậu rửa mặt	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					1.111.111												
930	Chân chậu	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					740.740												
931	Xi-phông chậu	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					81.991												
932	Vòi chậu nóng, lạnh	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815												
933	Vòi chậu 1 lỗ Joden + dây cấp	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815												
934	sen tắm	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	XII. VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN																							
935	Dây điện Trần phủ 2x6	m						40.741	40.741												41.667			
936	Dây điện Trần phủ 2x4	m						27.778	27.778			33.600							25.000		28.120			
937	Dây điện Trần phủ 2x2,5	m						19.444	19.444			22.890							18.000		18.518			
938	Dây điện Trần phủ 2x1,5	m						12.037	12.037			14.700							11.000		11.111			
939	Dây điện Trần phủ 2x1,0	m						9.259	9.259										7.000		8.333			
940	Dây điện Trần phủ 2x0,75	m						6.944	6.944			8.400									6.481			
941	Dây dẫn CXV 1x50	m																					180.245	
942	Dây dẫn CXV 1x70	m																					256.481	
943	Dây đồng đơn CV 1x1,5 (V-75)	m																					6.759	
944	Dây đồng đơn CV 1x2,5 (V-75)	m																					10.648	
945	Dây điện vinakip 2x1,5mm	m																		11.000				
946	Dây điện vinakip 2x2,5mm	m																		19.000				
947	Dây điện vinakip 2x4mm	m																		29.000				
948	Công tắc mặt 4 lỗ S184/X	m																					15.278	
949	Công tắc mặt 1 lỗ S181/X	m																					9.722	
950	Công tắc mặt 2 lỗ S182/X	m																					9.722	
951	Công tắc mặt 3 lỗ S183/X	m																					9.722	
952	Bóng Típ Rạng Đông 1,2m 18W	m						37.037	37.037														46.296	
953	Bóng Típ Rạng Đông 0,6m 12W	bộ						27.778	27.778															
954	Bóng Típ Rạng Đông Led-1,2m 18W	bộ						60.185	60.185															
955	Bóng Típ Rạng Đông Led - 0,6m 12W	bộ						46.296	46.296															
956	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng			Bóng điện tròn 25-100 W																		36.800	
957	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bộ			Bóng điện tuýp dài 1,2m -32w																		110.400	
958	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bộ			Bóng điện tiết kiệm điện 11 w																		18.400	
959	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng			Bóng điện tiết kiệm điện 15-20 w																		27.600	
960	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng			Bóng đèn LED 50w																		257.600	
961	Bóng Compact Rạng Đông 20W, 40W	bóng			20W, 40W																		32.407	
962	Bóng đèn Led tròn 30w	bóng			Bóng đèn LED 30w															50.000				
963	Bóng đèn Led tròn 40W	bóng			Bóng đèn LED 40w															65.000				
964	BÓNG ĐIỆN (Philíp)	cái			Bóng điện tuýp dài 1,2m																		119.600	
965	Aptomat 1P 20A, 10A	cái			10A, 20A							66.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
966	Aptomat 1P 50A	cái		50A								154.000												
967	Aptomat 1P 100A/10KA	cái		100A								312.000												
968	APTOMAT AB042 (10T-30T)	cái		AB042 (10T-30T)																			64.065	
969	Công tắc đơn	cái																6.481		10.000				
970	Công tắc đôi	cái																		20.000				
971	Cầu dao 3 pha 30A	cái																		95.000				
972	Cầu dao 3 pha 60A	cái																		125.000				
973	Cầu dao 2 pha 60A	cái																		90.000				
974	Cầu dao 2 pha 30A	cái																		60.000				
975	Cầu dao an toàn loại 10-15-20-25-30-40A (BS121a/10A, BS121a/15A, BS121a/20A, BS121a/25A, BS121a/30A, BS121a/40A)	cái																					47.222	
976	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 2,5 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 2,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
977	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 3,2 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 3,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
978	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 3,8 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 3,8 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
979	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 4,3 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
980	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 2,5 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 2,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
981	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 3,2 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 3,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
982	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 4,3 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xà Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
983	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 3,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 3,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
984	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 4,3 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
985	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 5,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 5,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
986	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 6,8 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 6,8 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
987	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 3,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 3,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
988	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 4,3 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
989	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 5,4 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 5,4 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
990	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 7,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 7,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
991	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 9 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 9 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
992	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 10 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 10 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
993	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 6,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 6,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
994	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 8,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 8,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
995	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
996	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
997	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
998	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
999	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1000	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1001	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1002	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 12 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 12 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1003	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Na Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1004	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1005	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1006	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1007	Cọc bê tông Dự ứng lực D300 Class A	Cọc	TCVN 7888:2014	Cọc bê tông li tâm Dự ứng lực (PC)D300 Class A M=60MAP (có mũi cọc); L=8m	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1008	Cọc bê tông Dự ứng lực D300 Class A	Cọc	TCVN 7888:2014	Cọc bê tông li tâm Dự ứng lực (PC)D300 Class A M=60MAP (không mũi cọc); L=8m	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1009	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2046	Loại cột H8,5A-230DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1010	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2046	Loại cột H8,5B-360DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1011	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H8,5C-460DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1012	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5A-230DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1013	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5B-360DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1014	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5C-460DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Na Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1015	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5A-230DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1016	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5B-360DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1017	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5C-460DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1018	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-65 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1019	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-95 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1020	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-125 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1021	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-155 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1022	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-65 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1023	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-95 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1024	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-125 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1025	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-155 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xã Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1026	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-65 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1027	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-95 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1028	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-125 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1029	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-155 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1030	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-65 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1031	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-95 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1032	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-125 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
1033	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-155 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																	
	Cáp đồng trần ứ mềm ép chặt ≥10mm2																							
1034	CF 10	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	523.500																
1035	CF 16	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	517.653																
1036	CF 25	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	517.574																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Cáp đồng Cu/PVC (Điện áp: 0,6/1 KV)																							
1037	CV 1x16 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	74.647																
1038	CV 1x25 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	115.893																
1039	CV 1x35 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	160.218																
1040	CV 1x50 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	219.030																
1041	CV 1x70 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	312.962																
	Cáp đồng treo Cu/XLPE/PVC (Điện áp: 0,6/1 KV)																							
1042	CXV 1x185	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	850.979																
1043	CXV 1x240	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.120.114																
1044	CXV 1x300	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.400.890																
1045	CXV 2x4	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	43.990																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1046	CXV 2x6	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	65.087																
1047	CXV 2x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	102.646																
1048	CXV 3x10+1x6	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	181.801																
1049	CXV 3x16+1x10	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	283.435																
1050	CXV 3x25+1x16	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	437.531																
1051	CXV 3x35+1x16	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	572.236																
1052	CXV 3x50+1x35	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	841.045																
1053	CXV 3x70+1x50	m	19/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.188.774																
1054	CXV 3x95+1x50	m	19/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.545.121																
1055	CXV 4x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	200.797																
1056	CXV 4x16	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	308.048																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1057	CXV 4x25	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	480.463																
1058	CXV 4x35	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	660.798																
1059	CXV 4x50	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	900.520																
	Cáp chống cháy Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC (Điện áp: 0,6/1 KV)																							
1060	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	55.720																
1061	FRN-CXV 2x6.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	76.562																
1062	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	133.873																
1063	FRN-CXV 3x10x1x6.0	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	204.786																
1064	FRN-CXV 4x2.5	m	7/0.67		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	72.328																
1065	FRN-CXV 4x4.0	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	103.308																
1066	FRN-CXV 4x6.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	144.133																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1067	FRN-CXV 4x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	214.600																
	Dây đơn mềm Cu/PVC (Điện áp: 450/750V)																							
1068	VCSF 1x1.5	m	TCVN 6610-3	30/0.24	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	7.121																
1069	VCSF 1x2.5	m	TCVN 6610-3	50/0.24	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	11.670																
1070	VCSF 1x4.0	m	TCVN 6610-3	52/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	18.657																
1071	VCSF 1x6.0	m	TCVN 6610-3	80/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	28.607																
1072	VCSF 1x10.0	m	TCVN 6610-3	140/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	50.550																
1073	Led bulb nhựa 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LBD-9T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																44.444	
1074	Led bulb nhựa 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LBD-12T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 80 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																55.556	
1075	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																96.759	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1076	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																138.704	
1077	Led Panel Âm trần- Tròn 18W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL-18T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																279.167	
1078	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																113.796	
1079	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																147.407	
1080	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 6W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																96.759	
1081	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																107.315	
1082	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																138.704	
1083	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																189.537	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1084	Led Panel đa năng 12W 3 màu MRPL-12/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																314.722	
1085	Led Panel đa năng 18W 3 màu MRPL-18/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																443.426	
1086	Led Downlight âm trần 6W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLEL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																69.815	
1087	Led Downlight âm trần 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLEL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																82.130	
1088	LBD3-7T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																37.685	
1089	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLEL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																185.370	
1090	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																109.630	
1091	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																150.185	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1092	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																195.926	
1093	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																262.315	
1094	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 24W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-24T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																361.204	
1095	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																246.759	
1096	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																294.722	
1097	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 7W SSL-7V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																370.926	
1098	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																401.296	
1099	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																464.259	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1100	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																781.481	
1101	Led ống bơ 24W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																869.167	
1102	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																693.796	
1103	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																455.278	
1104	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																722.963	
1105	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																455.278	
1106	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																722.963	
1107	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																839.167	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1108	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																839.167	
1109	Led tube bóng thủy tinh 1x9W 0.6m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-110T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																97.407	
1110	Led tube bóng thủy tinh 1x18W 1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-120T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																113.056	
1111	Led tube bóng thủy tinh 2x9W 0.6m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-210T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																167.130	
1112	Led tube bóng thủy tinh 1x28W 1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT3-120T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																137.037	
1113	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V)	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																116.111	
1114	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V)	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																176.759	
1115	Led bán nguyệt 48W thân nhựa	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																239.722	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1116	Led chống thấm (IP65) 20W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-20T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																479.630	
1117	Led chống thấm (IP65) 40W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-40T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																748.889	
1118	Led pha 50W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																482.037	
1119	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.167.037	
1120	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.868.241	
1121	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.551.759	
1122	Quạt hút âm tường AF2-150 (đường kính quạt 150mm) AF2-150	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 8 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																543.611	
1123	Quạt hút âm tường AF2-200 (đường kính quạt 200mm) AF2-200	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																608.241	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1124	Quạt hút âm trần AFC2-130 (đường kính quạt 135mm) AFC2-130	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																523.889	
1125	Quạt hút âm trần AFC2-250 (đường kính quạt 155mm) AFC2-250	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																547.130	
1126	Cầu dao 1 pha 16A MP6-C116	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130	
1127	Cầu dao 1 pha 20A MP6-C120	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130	
1128	Cầu dao 1 pha 25A MP6-C120	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130	
1129	Cầu dao 1 pha 32A MP6-C132	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130	
1130	Cầu dao 1 pha 40A MP6-C140	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130	
1131	Cầu dao 1 pha 50A MP6-C150	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																70.833	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1132	Cầu dao 1 pha 63A MP6-C163	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																70.833	
1133	Cầu dao 2 pha 16A MP6-C216	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																102.963	
1134	Cầu dao 2 pha 20A MP6-C220	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																102.963	
1135	Cầu dao 2 pha 25A MP6-C225	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																102.963	
1136	Cầu dao 2 pha 32A MP6-C232	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																102.963	
1137	Cầu dao 2 pha 40A MP6-C240	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																102.963	
1138	Cầu dao 2 pha 50A MP6-C250	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																152.778	
1139	Cầu dao 2 pha 63A MP6-C263	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biển, Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biển. ĐT 0917288866																152.778	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1140	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 16A RCBO-15/216	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556	
1141	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 20A RCBO-30/220	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556	
1142	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 32A RCBO-30/232	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556	
1143	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 40A RCBO-30/240	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																412.870	
1144	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 63A RCBO-30/263	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																584.167	
1145	Cầu dao tự động 15A SB-15	Cái	Tiêu chuẩn: IEC 60898-1:2003	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.611	
1146	Cầu dao tự động 20A SB-20	Cái	Tiêu chuẩn: IEC 60898-1:2003	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.611	
1147	Ô cắm sạc USB type A & type C, DC 5V-2.1A	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	6 cái/ hộp 324 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																314.444	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1148	Ô cắm 2 chấu A6US	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																21.481	
1149	Ô cắm đôi 3 chấu A6UES2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	4 cái/hộp 216 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																56.019	
1150	Công tắc 1 chiều A6M/1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: IEC 60669-1:2007	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																14.630	
1151	Công tắc 2 chiều A6M/2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: IEC 60669-1:2007	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																24.444	
1152	Ô cắm đồng trục TV loại 75Ohm A6TV75	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																52.037	
1153	Ô cắm điện thoại 4 dây A6RJ64	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																50.370	
1154	Ô cắm mạng Lan 8 dây A6RJ88	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																99.074	
1155	Nút nhấn chuông 3A A6MBP	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																27.685	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1156	Dimmer điều chỉnh độ sáng đèn Led (200W) A6V200-LED	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	20 cái/hộp 200 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																522.685	
1157	Led highbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.071.481	
1158	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.646.296	
1159	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																4.137.222	
1160	Led highbay Nhà xưởng 240W HBE-240T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																4.882.778	
1161	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.149.074	
1162	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.480.648	
1163	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																3.889.074	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1164	Led chiếu sáng khẩn cấp 2x3W EML2	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																835.556	
1165	Led downlight âm trần khẩn cấp 3W EM-AT	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																830.926	
1166	Bộ nguồn khẩn cấp EM-LT	Cái	Công suất tối đa: 20W Dung lượng pin: 4000mAhx2	1 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.530.185	
1167	Led thoát hiểm đa năng 1 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																713.704	
1168	Led thoát hiểm đa năng 2 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																713.704	
1169	Tủ điện âm tường 10-12 kênh TS-10	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 20 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																271.296	
1170	Tủ điện âm tường 11-14 kênh TS-14	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																350.926	
1171	Tủ điện âm tường 15-20 kênh TS-20	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																422.593	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1172	Led chiếu sáng đường phổ 50W ánh sáng trắng (T/ vàng (V) LST3-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.424.444	
1173	Led chiếu sáng đường phổ 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.091.852	
1174	Led chiếu sáng đường phổ 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.685.463	
1175	Led chiếu sáng đường phổ 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																3.580.741	
1176	Ống luồn PVC Ø16 320N A9016L.	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																14.630	
1177	Ống luồn PVC Ø20 320N A9020L.	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																20.370	
1178	Ống luồn PVC Ø25 320N A9025L.	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																28.333	
1179	Ống luồn PVC Ø32 320N A9032L.	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																52.593	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1180	Ống luồn PVC Ø16 750N A9016	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																15.741	
1181	Ống luồn PVC Ø20 750N A9020	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																22.130	
1182	Ống luồn PVC Ø25 750N A9025	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																31.574	
1183	Ống luồn PVC Ø32 750N A9032	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																65.093	
1184	Ống luồn dây điện dân hồi Ø16 màu trắng A9016CT	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																125.463	
1185	Ống luồn dây điện dân hồi Ø20 màu trắng A9020CT	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																153.889	
1186	Mặt dùng cho 1 thiết bị 120x70mm A601	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																12.222	
1187	Mặt dùng cho 2 thiết bị 120x70mm A602	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																12.222	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1188	Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị 120x116mm A60456	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																21.667	
1189	Module rời lắp SB A6SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	40 Cái/ Hộp 520 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																3.889	
1190	Mặt dùng cho cầu dao an toàn 120x70mm A60SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	20 Cái/ Hộp 200 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																14.722	
1191	Mặt dùng cho MCB 1 cực 120x70mm A60MCB1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																13.981	
1192	Ô cắm đôi 2 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20US2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																60.926	
1193	Ô cắm ba 2 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20US3N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																68.056	
1194	Ô cắm đôi 3 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20UES2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																48.333	
1195	Ô cắm đôi đa năng để liền 16A KT120x70mm mã A20UESM2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																48.333	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1196	Ô cắm đa năng + Ô cắm đơn 16A KT120x70mm mã A20US2MN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.981	
1197	Ô cắm đôi 2 chấu 16A + 1 Lỗ mã A20US2XN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																37.685	
1198	Ô cắm đôi 2 chấu 16A + 2 Lỗ mã A20US2XXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																37.685	
1199	Ô cắm đơn đa năng 16A + 1 Lỗ mã A20USMXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519	
1200	Ô cắm đơn đa năng 16A + 2 Lỗ mã A20USMXXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519	
1201	Ô cắm đơn đa năng 16A KT120x70mm mã A20USMN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519	
	XIII. HỆ THỐNG CỬA ĐI, CỬA SÓ																							
1202	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 2000x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.482.000															
1203	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 800x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.044.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xà Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hy	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1204	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VẬT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh hệ 55 vật cạnh (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.047.000															
1205	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VẬT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 vật cạnh (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.046.000															
1206	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VẬT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 vật cạnh (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.046.000															
1207	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VẬT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 55 vật cạnh (Kích thước: 1400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.794.000															
1208	NHÔM SINGHAL HỆ 55 VẬT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ lùa 4 cánh hệ 55 vật cạnh (Kích thước: 2400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.794.000															
1209	NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính cố định hệ 55 xingfa (Kích thước: 2000x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.482.000															
1210	NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.774.000															
1211	NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.778.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1212	NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 xingfa (Kịch thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.624.000															
1213	NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 xingfa (Kịch thước: 1400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.624.000															
1214	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính hệ 56 vát cạnh (Kịch thước: 2000x1600mm) Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.489.000															
1215	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh mở quay (Kịch thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.624.000															
1216	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh mở quay liền vách (Kịch thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.625.000															
1217	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh mở quay (Kịch thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.658.000															
1218	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh mở quay liền vách (Kịch thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.625.000															
1219	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SẬP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 1 cánh hắt (Kịch thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.406.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Bung Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1220	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 1 cánh mở hất liền vách (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.455.000															
1221	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 2 cánh mở quay (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.542.000															
1222	NHÔM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 2 cánh mở quay liền vách (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.532.000															
1223	NHÔM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC;	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC180 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.700.000															
1224	NHÔM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC;	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC120 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.304.000															
1225	NHÔM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC;	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC140 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.555.000															
1226	NHÔM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC;	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC180 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.421.000															
1227	NHÔM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC;	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC120 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đông Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.034.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1228	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LƯC/	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC140 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hàng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.051.000															
1229	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn chống bão G91: Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm - Sơn cao cấp - Bản nan 90mm giảm âm 2 chiều lên xuống - Thân cửa màu nâu vàng, lỗ thoáng hình kim tiền	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		3.188.000															
1230	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn SE03: - Sơn màu caphe, 4chân, 2 vít, giảm âm 1 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dây 1,8 mm + puli nhựa.	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		3.104.000															
1231	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G90: - Kết hợp 2 nan, sơn màu xanh mint, giảm âm 2 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dây 1,8 mm + puli nhựa.	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		3.065.000															
1232	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G61: - Sơn màu cà phê sáng, giảm âm 2 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5 mm dây 1,8 mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.414.000															
1233	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G60: - Sơn ghi sáng, giảm âm 1 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dây 1,8mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.460.000															
1234	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 300W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		4.242.150															
1235	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 500W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.544.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1236	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 900W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		7.573.500															
1237	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 1000W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		9.157.500															
1238	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 1200W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		11.236.500															
1239	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á các màu nâu cà phê và trắng sứ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày <1mm	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			97.000	97.000															
1240	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á màu vân gỗ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày <1mm	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			109.000	109.000															
1241	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á các màu nâu cà phê và trắng sứ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày >=1mm	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			94.000	94.000															
1242	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á màu vân gỗ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày >1mm	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			106.000	106.000															
1243	Cửa đi, cửa sổ và vách nhôm thường Đồng Á sơn tĩnh điện màu cà phê và màu trắng	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày của nhôm 0,7-1,0mm.	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			900.000	900.000															
1244	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,2-1,4mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			2.050.000	2.050.000															
1245	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,2-1,4mm, màu vân gỗ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			2.150.000	2.150.000															
1246	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,4-2,0mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			2.550.000	2.550.000															
1247	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,4-2,0mm, màu vân gỗ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÔM ĐỒNG Á			2.700.000	2.700.000															

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phương Điện Biên Phủ	Phương Mường Thanh	Phương Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1248	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 0,9-1,1mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.580.000	1.580.000															
1249	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 0,9-1,1mm, màu vân gỗ. Dưới bumper là nhôm 2 mặt trên sử dụng kính trắng đối với cửa đi. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.650.000	1.650.000															
1250	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,1-1,4mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.760.000	1.760.000															
1251	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,1-1,4mm, màu vân gỗ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa ≥1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.820.000	1.820.000															
1252	Vách nhôm mặt dựng hệ 65 Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	dây 2.0mm, màu cà phê hoặc màu ghi xám.	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.800.000	2.800.000															
1253	Tủ bếp nhôm nội thất Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	màu vân gỗ, độ dày nhôm 1.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.200.000	3.200.000															
1254	Tủ quần áo, tủ dây, tủ rượu, giá sách... nhôm nội thất Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	màu vân gỗ, độ dày nhôm 1.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.000.000	3.000.000															
1255	Cửa nhôm hệ thủy lực	m2	QCVN 16:2019/BXD	Bản cánh rộng 180x65mm, bản khung rộng 200x55mm, nhôm Đồng Á, màu cà phê hoặc vân gỗ, độ dày nhôm 2.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.100.000	3.100.000															
1256	Cửa nhôm hệ thủy lực	m2	QCVN 16:2019/BXD	Bản cánh rộng 160x60mm, bản khung rộng 150x50mm, nhôm Đồng Á, màu cà phê hoặc vân gỗ, độ dày nhôm 2.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.800.000	2.800.000															
1257	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V1: Vách kính hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2000x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3 mm)	Công ty CP Nhóm Việt Pháp - Nhà máy Nhóm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.795.428																
1258	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V2: Cửa đi 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 800 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.4 mm)	Công ty CP Nhóm Việt Pháp - Nhà máy Nhóm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.473.862																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Chi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1259	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V3: Cửa đi 1 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 900 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.8 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.891.119																
1260	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V4: Cửa đi 2 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 1400 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.8 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.857.663																
1261	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V5: Cửa sổ mở quay (hắt) 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.310.197																
1262	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V6: Cửa sổ mở quay (hắt) 2 cánh hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.363.241																
1263	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V7: Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.4 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.165.885																
1264	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V8: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3~1.4 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.212.790																
1265	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V9: Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3500 x2500 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4~2.0 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.682.221																
1266	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V10: Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.884.467																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1267	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V11: Cửa đi một cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1000 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.913.546																
1268	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V12: Cửa đi 2 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1600 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.893.532																
1269	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V13: Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.895.876																
1270	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V14: Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.830.505																
1271	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V15: Cửa sổ lùa 2 cánh 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.389.488																
1272	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V16: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2600 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.366.975																
1273	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V17: Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3500 x2500 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.5÷2.5 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.815.414																
1274	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V18: Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2000 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.5÷2.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.099.053																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1275	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V19: Cửa đi một cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 800 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.251.591																
1276	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V20: Cửa đi 2 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 1600 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.160.543																
1277	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V21: Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 vật cạnh , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.386.569																
1278	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V22: Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.478.807																
1279	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V23: Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.025.722																
1280	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V24: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 2400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.893.103																
1281	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V25: Vách kính cố định hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.741.628																
1282	Cửa thủy lực khung nhôm	m2	QCVN16:2019/BXD	V26: Cửa nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp, (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	4.480.197																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1283	Cửa thủy lực khung nhôm	m2	QCVN16:2019/BXD	V27: Cửa nhôm thủy lực 2 cánh Việt Pháp,(bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2200 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	4.642.564																
1284	Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay	m2	QCVN16:2019/BXD	V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1800 x2400 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.5 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	3.247.702																
1285	Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay	m2	QCVN16:2019/BXD	V28: Cửa trượt quay 4 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3200 x2400 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.5 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	3.122.486																
1286	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V30: Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm t (kích thước cửa 1200mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.453.069																
1287	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V31: Cửa sổ mở quay 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 800mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.573.424																
1288	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V32: Cửa sổ mở hắt 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 800mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.570.124																
1289	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V33: Cửa đi 1 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 900mm x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.755.606																
1290	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V34: Vách kính hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 6.38mm, (kích thước cửa 2000x 1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.346.490																
	XIV. CÁC LOẠI VẬT LIỆU KHÁC																							

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1291	Kính các loại	m2		Kính trắng tron 5 ly Liên doanh 2 lớp								280.000												
1292	Kính các loại	m2		Kính trắng tron 5 ly Liên doanh 1 lớp								230.000												
1293	Kính các loại	m2		Kính hoa dầu Liên doanh								200.000												
1294	Tre trồng các loại	cây		Tre rừng ĐK 6 - 8 cm, L = 6m				46.296	46.296															
1295	Bạt chống nóng	m2						23.148	23.148															
1296	Tấm gỗ ép công nghiệp	tấm		220x2440 dày 0,8-1mm																				
1297	Tấm Aluminum	tấm		1220x2440 dày 0,5-0,8mm																180.000				
1298	Gỗ ván ép	tấm		(1,2m x 2,4m)				277.778	277.778											290.000				

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18
2.578.077
2.778.714
2.850.502
2.885.625
2.807.954
2.952.420
3.453.243

Xà Nhà Tầu
18
3.725.239
3.985.832
4.097.488
4.198.466
4.465.799
4.484.552
5.478.223
6.343.005
7.976.915
9.367.073

Xà Nà Tấu
18
12.281.526
12.846.585
12.993.133
15.500.633
16.803.765
14.103.010
16.764.314
17.323.072
15.537.146
19.053.934
20.443.587

Xà Nà Tấu
18
17.255.902
20.994.390
23.562.966
2.968.816
2.696.278
2.638.575
2.895.820
3.156.303
2.475.007
2.701.173
2.773.115

Xà Nà Tấu
18
2.489.476
2.460.795
2.512.065
2.393.992
2.460.542
2.620.139
3.418.807
2.557.166
2.791.016
2.803.602
3.402.407

Xà Na Tầu
18
2.618.363
2.900.514
3.367.905
3.614.386
2.989.238
3.130.598
3.556.278
4.135.206

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Na Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tầu
18

Xà Nà Tấu
18

Xà Nà Tấu
18